Lớp thầy Sĩ

VUI HỌC TOÁN

TOÁN 3

LỚP THẦY SĨ

THỬ THÁCH TUẦN 26

Tên bài: Các số có năm chữ số. Số 100 000
So sánh các số trong phạm vi 100 000

Câu 1 Số gồm **2** chục nghìn, **3** nghìn, **8** trăm, **5** chục và **2** đơn vị viết là:

A. 32 852 **B.** 23 582 **C.** 32 258 **D.** 23 852

Câu 2 Số liền trước của số **78 540** là:

A. 78 530 **B.** 78 539 **C.** 78 640 **D.** 79 540

Câu 3 Số **86 539** có chữ số hàng chục nghìn là:

A. 8 **B.** 6 **C.** 5 **D.** 3

Câu 4 Giá trị của chữ số **5** trong số **45 874** là:

A. 50 000 **B.** 5 000 **C.** 500 **D.** 50

Câu 5 Trong các số **29 728**; **18 059**; **9 299**; **31 613**, số lớn nhất là:

A. 29 728 **B.** 18 059 **C.** 9 299 **D.** 31 613

Câu 6 Từ các thẻ số **6**, **9**, **5**, **0**, **0** có thể ghép được bao nhiêu số tròn trăm có 5 chữ số?

A. 4 số **B.** 5 số **C.** 6 số **D.** 7 số

Câu 7 Từ các số **5**, **2**, **7**, **0**, **6** lập được bao nhiêu số có 5 chữ số khác nhau mà chữ số hàng chục của số đó bằng **2** và chữ số hàng đơn vị bằng **6**?

A. 3 số **B.** 6 số **C.** 4 số **D.** 5 số

Câu 8 Trong kì nghỉ lễ vừa qua, tỉnh Bến Tre đón khoảng 74 000 lượt khách, tỉnh Lào Cai đón khoảng 98 000 lượt khách, tỉnh Kiên Giang đón khoảng 45 000 lượt khách và tỉnh Vĩnh Phúc đón khoảng 80 000 lượt khách. Vậy tỉnh có lượt khách tham quan nhiều nhất là:

A. Bến Tre **B.** Lào Cai **C.** Kiên Giang **D.** Vĩnh Phúc

LIVEWORKSHEETS

II. Phần tự luận.

Bài 1 Hoàn thành bảng sau.

Hàng chục nghìn	Hàng nghìn	Hàng trăm	Hàng chục	Hàng đơn vị	Viết số	Đọc số
7	1	8	6	2		
						chín mươi nghìn sáu trăm tám mươi hai
					32 761	

Bài 2 Số?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	42 356	
	54 000	
	75 800	

Bài 3 Viết các số thành tổng các giá trị của hàng (theo mẫu).

Mẫu: 81 328 = 80 000 + 1 000 + 300 + 20 + 8

15 638 =

42 597 =

96 275 =

LIVEWORKSHEETS

Bài 4 > ; < ; = ?

6 257 ☐ 62 675 | 83 712 ☐ 67 995 | 23 728 ☐ 23 765

55 382 ☐ 9 891 | 43 271 ☐ 42 612 | 17 871 ☐ 17 809

Bài 5 Số?

45 520 → 45 530 → 45 540 → ☐ → ☐

72 500 → ☐ → 72 700 → 72 800 → ☐

Bài 6 Số?

24 180 > 24 ☐ 95 | 78 190 < 7 ☐ 015 | ☐1☐5☐ = 4☐9☐2

Bài 7 Tìm cân nặng của mỗi thành viên trong gia đình cá voi.

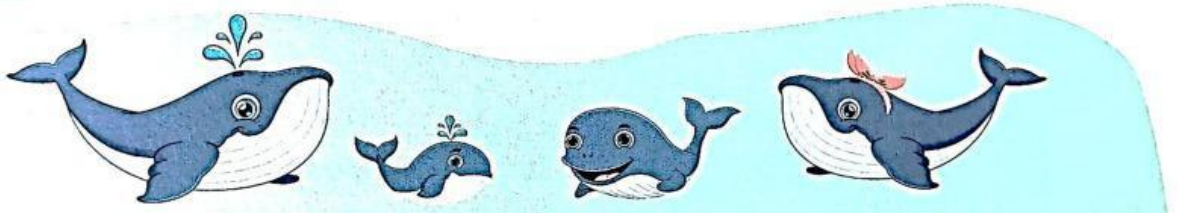

100 000 kg | 38 920 kg | 78 500 kg | 18 880 kg

Bài 8 Số?

Số lớn nhất có năm chữ số là: ☐. Số nhỏ nhất có năm chữ số là: ☐.

Số tròn trăm lớn nhất có năm chữ số là: ☐.

LIVEWORKSHEETS